

Bản án số: **28/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 28/3/2019.
V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Võ Văn Cường**.

+ Ông **Lê Văn Lâu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 759/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm 1994(có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày:*

- Chị với anh Nguyễn Văn U cưới nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra sung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh U.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 28/11/2016, từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung,nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn U dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị D và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh U vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Văn U có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đối với anh Nguyễn Văn U dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị D và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh U vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D. Do đó Tòa án căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh U.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh U cưới nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng đầu năm 2018 thì ly thân cho đến nay. Theo chị D khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra sung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do anh U thường hay rượu chè, không chăm lo gia đình vợ con. Nay chị không còn tình cảm với anh U nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh U.

Nhận thấy chị D và anh U cưới nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến đầu năm 2018 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị D cương quyết ly hôn, còn anh U vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị D, xem như anh từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D cho chị được ly hôn với anh U là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 28/11/2016, theo chị D khai là từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Còn anh U cũng không có ý kiến gì về con chung, nếu anh chị ly hôn. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị D là người trực tiếp nuôi con chung đã ổn định. Mặt khác con chung anh chị đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị D là giao con chung của anh chị cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh U không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này có phát sinh về việc cấp dưỡng nuôi con thì các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1, khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều D.

- Cho chị Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung của anh chị tên Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 28/11/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh U được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 09425, ngày 03/12/2018 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM THANH DŨNG